

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2019/DS-PT**

Ngày: **20/6/2019**

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất và
bồi thường thiệt hại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Minh Hương

Các Thẩm phán: 1. Ông Hoàng Hữu Truyền

2. Ông Ma Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn gia phiên tòa: Bà Nông Thị Quế - Kiểm sát viên

Các ngày 28/3/2019, 26/4/2019, 28/5/2019 và 20/6/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLPT - DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lý Văn G. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Ủy quyền tại phiên tòa phúc thẩm): Anh Lý Văn S. Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị D, anh Lý Văn H (Ủy quyền tại giai đoạn sơ thẩm đến khi mở phiên tòa phúc thẩm): Ông Nguyễn Đình L. Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

2. Bị đơn: - Ông Ngô Văn P. Có mặt.

- Bà Lý Thị S. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lý Thị D. Có mặt.
- Anh Lý Văn H. Có mặt.
- Anh Ngô Văn S1. Có mặt.
- Anh Ngô Văn N. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Anh Ngô Văn T. Địa chỉ: Thôn Làng Cóm, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang . Vắng mặt.

4. Người làm chứng:

- Ông Triệu Nho P. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.
- Ông Triệu Xuân T1. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại biên bản lấy lời khai, các tài liệu trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lý Văn G trình bày:*

Về nguồn gốc khu đất hiện đang tranh chấp giữa ông Lý Văn G và ông Ngô Văn P, bà Lý Thị S (Con gái ruột của ông G) là do ông khai phá từ năm 1982, từ khi khai phá, gia đình ông sử dụng liên tục đến năm 1986 ông G được hợp tác xã Q giao cho quản lý, sử dụng và gia đình ông vẫn đóng thuế sử dụng đất cho Nhà nước liên tục từ năm 1986 đến năm 2000. Năm 1993 thì anh P, chị S chuyển từ xã V, huyện Đ, Thái Nguyên về thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn sinh sống. Năm 1994, ông P, bà S ra ở riêng, không có đất canh tác nên ông bà đã họp gia đình, thống nhất cho vợ chồng bà S mượn thửa đất ở Lũng Hang để ở và canh tác với điều kiện khi nào không canh tác nữa hoặc chuyển đi nơi khác sinh sống thì phải trả lại đất trên cho ông G (Việc thỏa thuận này bằng miệng không được lập thành văn bản). Tháng 02/2017 ông P, bà S chuyển sang Tuyên Quang sinh sống đã tự ý cho con trai là Ngô Văn S1 phần đất ở, còn phần đất màu chuyển nhượng cho người khác mà không trả lại đất cho ông G theo như thống nhất tại cuộc họp gia đình vào tháng 12 năm 1994. Khi phát hiện ra ông P, bà S tự ý chuyển nhượng thửa đất cho người khác thì ông không đồng ý nên đã yêu cầu ông P, bà S trả lại đất cho mình nhưng ông P, bà S không trả, do vậy phát sinh tranh chấp. Năm 2017 ông G đã trồng cây keo lên phần đất thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 98 diện tích 2.778.9 m² (Theo kết quả đo đạc ngày 28/8/2018), tháng 01/2018 vợ chồng ông P đã chặt hết số cây keo của ông G đã trồng nên xảy ra tranh chấp, ông G khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Ngô Văn P, bà Lý Thị S trả lại toàn bộ khu đất mà ông G, bà D đã cho mượn từ năm 1994 gồm hai thửa đất là thửa đất số 42 và thửa đất số 30 thuộc tờ bản đồ số 98 địa chỉ thửa đất thuộc L, thôn Đ – Q – C – Bắc Kạn và bồi thường toàn bộ 1.300 cây keo với số tiền là 13.000.000^d (Mười ba triệu đồng)

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Lý Văn G rút yêu cầu khởi kiện đòi lại thửa đất số thửa 42, tờ bản đồ 98.

** Ông Nguyễn Đình L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bà Lý Thị D, anh Lý Văn H (Ủy quyền tại giai đoạn sơ thẩm đến khi mở phiên tòa*

phúc thẩm) và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm anh Lý Văn S trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp giữa hai bên là do nguyên đơn được Hợp tác xã Q giao đất để khai phá từ năm 1982, sử dụng liên tục và đóng thuế sử dụng đất liên tục đến năm 2000. Năm 1993 vợ chồng ông P chuyển từ xã V, huyện Đ, Thái Nguyên về chung sống cùng ông G, bà D, năm 1994 vợ chồng ông P ra ở riêng, không có đất canh tác thì ông G, bà D họp gia đình phân chia cho các con mượn các thửa đất của mình để canh tác với điều kiện khi nào không canh tác nữa hoặc chuyển đi nơi khác sinh sống thì phải trả lại đất cho bố mẹ, không được chuyển nhượng cho người khác. Do tập quán của đồng bào dân tộc, cuộc họp gia đình về việc chia đất chỉ thống nhất bằng miệng, không lập thành văn bản giấy tờ gì. Tháng 02/2017, ông P, bà S chuyển về Tuyên Quang sinh sống nhưng không trả lại đất cho ông G, bà D mà chuyển nhượng cho người khác. Khi ông G, bà D phát hiện sự việc này thì yêu cầu ông P, bà S trả lại đất nhưng ông P, bà S không trả, vì vậy mới phát sinh tranh chấp. Nay yêu cầu ông P, bà S trả lại đất đai mà ông G, bà D cho mượn để ông G, bà D sử dụng. Vì ông P, bà S tự ý chặt cây keo do ông G, bà D trồng trên một phần diện tích đất tranh chấp, vì vậy yêu cầu ông P và bà S phải bồi thường cho ông G, bà D toàn bộ số cây keo với số tiền là 13.000.000^d (Mười ba triệu đồng).

** Tại bản tự khai, các tài liệu trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Ngô Văn P và chị Lý Thị S trình bày:*

Trước đây ông P, bà S sinh sống tại xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, năm 1993 thì chuyển về sinh sống tại thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cùng với gia đình bố mẹ đẻ bà S là ông G và bà D. Năm 1994 ông P, bà S ra ở riêng và khai phá canh tác 01 khu đất tại L, thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Là do ông, bà tự khai phá từ năm 1993 khi chuyển từ xã V về sinh sống tại thôn Đ. Ông, bà sử dụng liên tục suốt từ khi khai phá đến nay, năm 2003 đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) lần đầu và được cấp đổi vào năm 2013. Khi cấp đổi lại GCNQSDĐ thì toàn bộ khu đất được tách thành 02 phần, một phần là thửa 30, tờ bản đồ số 98, diện tích là 2.858m² đất trồng cây hàng năm đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU867590 ngày 29/12/2013, còn một phần là thửa đất số 42 đất thổ cư thì chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đầu năm 2017, ông P, bà S đã cày bừa đất thì ông G, bà D đến tranh chấp chặt 02 cây vải, 01 cây mắc mật và 02 cây gỗ lát mà ông, bà đã trồng, sau đó trồng cây keo lên hết thửa đất 30 tờ bản đồ số 98, khiến ông bà không thể sử dụng được thửa đất này. Vì vậy, năm 2017, ông P, bà S đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện C giải quyết, yêu cầu ông G, bà D phải trả lại toàn bộ thửa đất số 30, tờ bản đồ số 98, diện tích 2.858m², đồng thời bồi thường 02 vụ ngô với tổng giá trị quy thành tiền là 12.000.000^d (Mười hai triệu đồng). Vụ việc đã được Tòa án nhân dân huyện C xét xử và tuyên buộc ông G, bà D phải chấm dứt hành vi lấn chiếm và trả lại quyền sử dụng đất cho ông P, bà S đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ số 98, diện tích 2858m² và phải bồi thường cho

ông P, bà S số tiền thiệt hại 02 vụ ngô là 12.000.000^d. Ông G không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm nên kháng cáo, tại phiên tòa phúc thẩm, ông G ra điều kiện nếu ông P và bà S làm một bữa cơm chiêu đãi gia đình thì ông G trả lại toàn bộ đất đang tranh chấp, ông P, bà S có quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất. Ông P, bà S nhất trí và đã rút đơn khởi kiện. **Tại quyết định số: 01/2018/QĐ-PT ngày 25/01/2018 của** Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C và đình chỉ vụ án. Ngay sau đó về nhà ông P, bà S đã thịt lợn mời toàn thể gia đình ông G, bà D và anh em họ tộc liên hoan theo nội dung đã thỏa thuận tại phiên tòa phúc thẩm.

Đầu năm 2018 ông P, bà S phát dọn toàn bộ đất thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 98 và đã trồng ngô vụ Xuân - hè, thì ngày hôm sau bà D dùng cuốc đến bới phá toàn bộ phần ngô do ông P, bà S trồng nên đã xảy ra xô sát giữa hai bên. Nay ông G khởi kiện yêu cầu ông P, bà S trả lại toàn bộ đất đai và bồi thường thiệt hại số cây keo là 13.000.000^d (*Mười ba triệu đồng*) thì ông P, bà S không nhất trí và có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu ông G, bà D chấm dứt việc ngăn cản ông P, bà S sử dụng đất và bồi thường thiệt hại 04 vụ ngô cho gia đình ông P (do ông G, bà D tranh chấp, ngăn cản việc canh tác đất từ tháng 4/2017 đến nay là 04 vụ ngô) với số tiền là: $6.000.000\text{đ/vụ} \times 04 \text{ vụ} = 24.000.000^{\text{d}}$ (*Hai mươi tư triệu đồng*); 3.000.000^d (*Ba triệu đồng*) tiền xem xét thẩm định tại chỗ của vụ án năm 2017 và 5.000.000^d (*Năm triệu đồng*) chi cho bữa cơm liên hoan. Tổng cộng là 32.000.000^d (*Ba mươi hai triệu đồng*).

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lý Thị D và Lý Văn H trình bày:* Việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông P, bà S và ông G, bà D có nguyên nhân là do ông P, bà S chuyển đi nơi khác sinh sống nhưng không trả lại đất cho ông G, bà D. Việc ông P, bà S tự ý bán đất mà ông G, bà D đã cho mượn là không đúng với thỏa thuận tại cuộc họp gia đình vào năm 1994 là ông G, bà D chỉ cho mượn đất và người mượn không có quyền bán đất. Nay yêu cầu ông P, bà S trả lại toàn bộ đất đai và bồi thường thiệt hại về tài sản là 1300 cây keo cho ông G, bà D. Bà Lý Thị D, anh Lý Văn H nhất trí với việc rút yêu cầu khởi kiện đòi lại thửa đất số thửa 42, tờ bản đồ 98 của ông Lý Văn G.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Văn T, Ngô Văn S, Ngô Văn N (Con anh P, chị S) trình bày:*

Toàn bộ đất đai hiện nay đang tranh chấp có nguồn gốc là do ông P, bà S khai phá, sử dụng ổn định từ năm 1993 đến nay. Mặc dù Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Ngô Văn P, bà Lý Thị S, nhưng năm 2006 ông P, bà S cho anh S1 làm 01 ngôi nhà tạm ra ở riêng tại khu đất đó, năm 2011 làm lại nhà bằng ngôi nhà xây cấp 4. Năm 2010 cũng cho anh T làm 01 ngôi nhà gỗ bên dưới nhà anh S1 và sinh sống ổn định tại đó. Trong quá trình làm nhà, không ai ngăn cản hoặc có ý kiến gì và gia đình anh T, anh S1, ông P, bà S sinh sống ổn định cho đến nay.

Ngôi nhà gỗ hiện nay là nhà do Ngô Văn T làm, anh T đã chuyển đi sinh sống tại tỉnh Tuyên Quang, vì vậy anh T đã bàn giao nhà cho ông P, bà S sinh sống cùng con trai là Ngô Văn N quản lý, sử dụng.

Anh Ngô Văn T, anh Ngô Văn N, anh Ngô Văn S1 đều công nhận chỉ làm nhà ở trên đất, còn đất đai vẫn thuộc quyền quản lý và sử dụng của ông P, bà S. Ngoài 02 căn nhà, toàn bộ tài sản trên đất hiện nay đang tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn là do bị đơn quyết định. Anh Ngô Văn T, anh Ngô Văn N, anh Ngô Văn S1 đều không nhất trí trả đất và bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn vì các anh đã cùng bố mẹ sinh sống, sử dụng đất ổn định từ trước đến nay.

Theo bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn thì ngày 28/8/2018 Tòa án nhân dân huyện C, tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ: Kết quả xem xét thẩm định và kết quả đo đạc cho xác định được thửa đất tranh chấp có địa chỉ tại khu Lũng Hang, thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thấy thửa đất tranh chấp có diện tích là: 2.779,8 m². Có các cạnh và vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp đất ông Hoàng Văn L1 và đất ông Lý Văn D có chiều dài 40 mét.

- Phía Đông giáp đường dân sinh dài 73,83 mét

- Phía Tây giáp đất ông Lý Văn V và ông Triệu Xuân T1 dài 105,94 mét

- Phía Nam giáp đất nhà ông Ngô Văn P dài 26,38 mét.

Hiện trạng khu đất: Trên đất có 08 cây Mắc Mật, 04 cây Vải, 01 chồi Lát, 03 cây Xoài, 03 cây Mít. Toàn bộ số cây trên được ông P trồng trên phần đất giáp đất ông Lý Văn Dũng.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn áp dụng Điều 26, 35, 147, 157, 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26, 203 Luật Đất Đai năm 2013; Điều 584, 585, 357 Bộ luật Dân sự; Điều 26; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Lý Văn G về việc đòi lại đất và bồi thường thiệt hại tài sản (1.300 cây keo trị giá 13.000.000^d). Buộc ông Lý Văn G phải chấm dứt hành vi lấn chiếm và trả lại quyền sử dụng đất và tài sản trên đất (cây cối) cho anh Ngô Văn P, chị Lý Thị S đối với thửa số 30, tờ bản đồ số 98, diện tích 2.779,8m² đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU867590 ngày 29/12/2013

(Có Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng đất ngày 28/8/2018 của Công ty TNHH một thành viên Tư vấn và Dịch vụ đo đạc Nghĩa Tâm kèm theo).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn. Buộc nguyên đơn Lý Văn G phải bồi thường cho bị đơn Ngô Văn P, Lý Thị S số tiền thiệt hại 04 vụ ngô do không canh tác được là 11.629.000^d. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản

tổ của bị đơn đối với yêu cầu về bồi thường thiệt hại ngô là 12.371.000^d; tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ của vụ án năm 2017 là 3.000.000^d và chi phí tổ chức bữa ăn liên hoan là 5.000.000^d.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 10/12/2018 ông Lý Văn G kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại nguồn gốc diện tích đất tranh chấp buộc ông P, bà S phải trả lại diện tích đất tranh chấp cho ông G và ông G không nhất trí với việc ông G phải bồi thường thiệt hại cho bị đơn ông Ngô Văn P và bà Lý Thị S.

Trong quá trình giải quyết phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy: Diện tích đất tranh chấp có một phần nằm trong GCNQSDĐ số: BU867590 ngày 29/12/2013 và một phần nằm trong thửa đất số 42 tờ bản đồ số 98 xã Q. Ngày 18/4/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn tiến hành xác minh thực địa, các đương sự xác định lại mốc giới và diện tích đất tranh chấp. Qua xác minh, đo đạc xác định được diện tích đất tranh chấp mà ông Lý Văn G yêu cầu bị đơn trả lại có diện tích: 2733,9m². Trong đó: 393,5m² thuộc thửa đất số 42 tờ bản đồ số 98 xã Q, về hiện trạng trên đất có các cây ngô nhỏ do gia đình ông P trồng năm 2019; phần đất tranh chấp còn lại có diện tích 2340,4m² thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 98 xã Q, về hiện trạng, trên đất có 04 cây mắc mật, 02 cây xoài, 02 cây vải, 02 cây mít do gia đình ông P trồng khoảng năm 1998 ở gần vị trí các điểm mốc 6,7,8 theo sơ đồ kèm theo biên bản xác minh, ngoài ra trên đất còn có các cây cỏ dại.

Tại phiên tòa Phúc thẩm:

Nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị D, anh Lý Văn H chấm dứt việc ủy quyền cho ông Nguyễn Đình L. Nguyên đơn ông Lý Văn G ủy quyền cho anh Lý Văn S tham gia giải quyết vụ án. Bà Lý Thị D, anh Lý Văn H tự mình tham gia tố tụng.

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa sơ thẩm và nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không nhất trí với việc ông G phải bồi thường tiền ngô cho gia đình ông P, bà S. Đề nghị Tòa án xác định lại nguồn gốc đất là của ông G và buộc ông P, bà S trả lại phần đất tranh chấp tại thửa số 30 tờ bản đồ số 98 xã Q và bồi thường tiền 1300 cây keo cho gia đình ông G. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi đất đối với thửa đất số 42 tờ bản đồ 98. Về nguồn gốc sử dụng đất, nguyên đơn trình bày nguồn gốc diện tích đất tranh chấp tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 98 là do vợ chồng ông G, bà D khai phá từ năm 1982 đến năm 1994 mới chia cho gia đình ông P, bà S canh tác nếu ông P bà S không canh tác thì phải trả lại đất cho ông G. Nguyên đơn cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 30 là không đúng quy định vì đất là của nguyên đơn nhưng lại cấp cho bị đơn. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị D, anh Lý Văn H có ý kiến như phần trình bày của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Bị đơn không nhất trí với yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của nguyên đơn vì cho rằng nguồn gốc đất là do vợ chồng ông P, bà S khai phá từ năm 1992 và canh tác liên tục đến năm 2003 thì được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2013 được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hoàn toàn đúng quy định. Tại phiên Tòa bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố yêu cầu nguyên đơn bồi thường 04 vụ ngô với số tiền 24.000.000^d (*Hai mươi tư triệu đồng*) do nguyên đơn ngăn cản, bị đơn không canh tác được, yêu cầu nguyên đơn bồi thường số tiền 3.000.000^d (*Ba triệu đồng*) tiền xem xét thẩm định tại chỗ tại vụ án trước và 5.000.000^d (*Năm triệu đồng*) tiền tổ chức bữa cơm liên hoan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Văn S, anh Ngô Văn N có ý kiến như phần trình bày của bị đơn và không bổ sung gì thêm.

Trong quá trình Hội đồng xét xử nghị án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lý Văn G cung cấp cho Tòa án 02 bản án sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn về việc “ Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản” có nội dung khác nhau.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự, người làm chứng đều xác nhận về quá trình sử dụng diện tích đất tranh chấp do ông Ngô Văn P và bà Lý Thị S canh tác sử dụng từ năm 1993; Ông Lý Văn G cho rằng nguồn gốc đất là do ông G, bà D được Hợp tác xã Đ giao cho khai phá sử dụng từ năm 1986 đến năm 1993 thì cho ông P, bà S mượn canh tác nhưng không cung cấp được giấy tờ chứng minh cho yêu cầu của mình. Đồng thời, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện có căn cứ xác định thửa đất số 30 tờ bản đồ số 98 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông P, bà S.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn ông Lý Văn G cung cấp cho Tòa án 02 bản án dân sự sơ thẩm cùng số: 02/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn về việc “ Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản” giữa nguyên đơn ông Lý Văn G – bị đơn ông Ngô Văn P, bà Lý Thị S có nhiều nội dung khác nhau, đặc biệt có sự khác nhau cơ bản về nội dung phần quyết định của bản án. Nguyên đơn trình bày bản án thứ nhất nhận được khoảng 05 ngày, bản án thứ hai nhận được khoảng 01 tháng sau khi xét xử sơ thẩm. Như vậy, tòa án cấp sơ thẩm sửa chữa, bổ sung bản án không tuân thủ đúng quy định của pháp luật, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án xét thấy bản án sơ thẩm còn có một số thiếu sót như sau:

- Về thủ tục thụ lý phản tố của bị đơn: Sau khi bị đơn ông P bà S có yêu cầu phản tố. Tòa án cấp sơ thẩm thông báo nộp tiền tạm ứng án phí và ông P bà S đã nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố nhưng tòa án không ra thông báo thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn theo quy định tại Điều 202 của Bộ luật tố tụng dân sự là còn thiếu sót.

- Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Lý Văn G rút một phần yêu cầu khởi kiện nhưng trong phần quyết định của bản án Tòa án không tuyên đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút là chưa đúng quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ các phân tích nêu trên căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lý Văn G. Hủy bản án sơ thẩm số: 02/2018/DSST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm

Về án phí: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lý Văn G: Kháng cáo của ông G được làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã nộp tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét, giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn đề nghị triệu tập ông Lương Văn T2 trú tại thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn vì cho rằng ông T2 đã mua thửa đất đang tranh chấp. Tuy nhiên biên bản xác minh ngày 18/4/2019 đối với ông Lương Văn T2 và UBND xã Q, thì ông T2 khẳng định chưa thực hiện giao dịch mua bán nào liên quan đến quyền sử dụng đất đối với thửa đất đang tranh chấp và ông T2 cũng đã từ chối tham gia phiên tòa; UBND xã Q cũng chưa tiếp nhận hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất tranh chấp giữa ông P, bà S và ông Thiệu. Ông P, bà S cũng khẳng định chưa có việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T2. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn có đưa ra bằng chứng là đoạn ghi âm và có người làm chứng về việc mua bán là anh Lý Văn D nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh việc mua bán đất giữa ông T2 và ông P. HĐXX xét thấy không có căn cứ xác định việc mua bán, chuyển nhượng đất giữa ông P, bà S và ông T2 theo như trình bày của nguyên đơn. Trong vụ án này ông P, bà S và ông T2 cũng không có yêu cầu giải quyết đối với việc chuyển nhượng quyền sử

dụng đất. Nếu trong quá trình chuyển nhượng trên mà có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Đối với yêu cầu triệu tập Phó Chủ tịch UBND huyện C, Chủ tịch UBND xã Q, công chức địa chính xã Q để làm rõ lý do cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P, bà S, HĐXX xét thấy hồ sơ, tài liệu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P, bà S, UBND huyện C đã cung cấp đầy đủ, quá trình giải quyết án, tòa án cũng đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại UBND xã Q nên không cần thiết phải triệu tập những người trên tham gia phiên Tòa.

[3] Đối với việc tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án 02 bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn về việc “ Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản” giữa nguyên đơn ông Lý Văn G – bị đơn ông Ngô Văn P, bà Lý Thị S có nội dung khác nhau. Việc Tòa án nhân dân huyện C ban hành 02 bản án cùng số, ngày, tháng, năm, cùng nội dung giải quyết một vụ án nhưng có nhiều điểm khác nhau ở phần nội dung, nhận định và quyết định của 02 bản án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Căn cứ khoản 2 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét thấy cần phải hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng: Nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xác định nguyên đơn ông Lý Văn G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310, khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Lý Văn G.
2. Hủy bản án sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.
3. Về chi phí tố tụng: Nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí: Nguyên đơn ông Lý Văn G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu số 07774, ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Kạn
- TAND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Phòng KTNV TATBK;
- Lưu: VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Thị Minh Hương